TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – AN GIANG** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: **69**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp, ông Phan Phước Tân.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vĩnh Tín – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HN, ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2025/QĐST-HN, ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992; CCCD: 092192001721 cấp ngày 10/5/2021; đăng ký thường trú: 181A/6 Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1987; CCCD: 089087015490 cấp ngày 03/4/2022; đăng ký thường trú: Ấp P, xã N, tỉnh An Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Thanh B do tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang (cũ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109 ngày 09/9/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn với ông Phạm Thanh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông B có 01 (một) con chung tên Phạm Nguyễn Thiên A, sinh ngày 08/11/2023. Cháu A hiện nay đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A sau ly hôn, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản hòa giải ngày 24/7/2025, bà T và ông B thuận tình ly hôn; thỏa thuận được về việc nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành ghi nhận sự thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc nuôi con chung.

Ngày 31/7/2025, ông B có đơn xin thay đổi ý kiến về việc thuận tình ly hôn và hòa giải thành, ông không đồng ý ly hôn với bà T, với lý do: Trước đó ông và bà T đã thỏa thuận việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, nhưng sau khi ký biên bản thuận tình ly hôn thì bà T không thực hiện như lời đã hứa. Ngoài ra, sau khi ký thuận tình ly hôn, ông ra sống riêng thì thấy nhớ và thương con. Do đó ông xin thay đổi ý kiến thuận tình ly hôn được Tòa án ghi nhận vào ngày 24/7/2025, xin được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, bà T kiên quyết xin được ly hôn và xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, vì cho rằng ông B sống thiếu chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình. Ông B xin được đoàn tụ vì còn thương vợ con. Đồng thời ông B cung cấp bản photo thể hiện tin nhắn qua lại trên zalo; đơn đề nghị xem xét về tài sản chung đề ngày 30/9/2025.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, các chứng cứ có trong hồ sợ vụ án và tranh luận tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T và ông B là trầm trọng. Thời gian ly thân tuy không lâu nhưng bà T cương quyết ly hôn, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, đề nghị giao cháu Phạm Nguyễn Thiên A cho bà T trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn, công nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cun chung. Về tài sản chung, bà T không có yêu cầu, ông B chưa thực hiện thủ tục yêu cầu, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Thanh B và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp *"ly hôn, nuôi con chung"*. Bị

đơn ông Phạm Thanh B đăng ký thường trú ấp P, xã N, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình hòa giải thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Thanh B do tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 09/9/2019, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật H nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với ông Phạm Thanh B, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ trong đời sống vợ chồng. Bà T cho rằng ông B sống thiếu chung thủy và có hành vi bạo lực; ông B cho rằng bà T mới là người sống thiếu chung thủy. Từ đó xác định bà T và ông B đã có mâu thuẫn trong hôn nhân và cũng đã thống nhất thuận tình ly hôn ngày 24/7/2025. Tuy nhiên sau đó thì ông B có ý kiến thay đổi, xin được đoàn tụ. Theo trình bày của ông B là ông còn thương vợ con nhưng bản chất thật sự là do bà T không đáp ứng về việc chia tài sản chung, nên ông B mới có ý kiến thay đổi việc thuận tình ly hôn đã được Tòa án ghi nhận.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên để các đương sự đoàn tụ nhưng bà T cương quyết xin được ly hôn. Từ đó nhận thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông B đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau ly hôn. Theo trình bày thì bà T, ông B đều có việc làm, có thu nhập cao đủ khả năng nuôi dạy cháu A. Tuy nhiên xét thấy cháu A còn nhỏ, lại là nữ giới; đang sống cùng bà T và được nuôi dạy tốt. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và việc học tập cũng như ảnh hưởng tâm, sinh lý, sự phát triển bình thường của cháu A, nên giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, điều này cũng phù hợp việc thỏa thuận nuôi con chung của bà T và ông B được ghi nhận tại Biên bản hòa giải ngày 24/7/2025.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên công nhận sự tự nguyện của bà T.

[2.4] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai

chứng cứ và Biên bản hòa giải cùng ngày 24/7/2025, thì ông B cũng thống nhất với bà T là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông B yêu cầu xem xét về việc chia tài sản chung. Ông B cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, ông B và bà T có tạo lập được các tài sản chung và hiện bà T đang giữ, như: Nhà, xe ô tô, vàng, tiền mặt…ông B đồng ý giao cho bà T toàn bộ các tài sản này và bà T đưa lại cho ông 200.000.000 đồng. Tuy nhiên bà T xác định không đúng và xin để tự giải quyết với ông B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do ông B đã không thực hiện yêu cầu phản tố (yêu cầu chia tài sản chung) trong thời gian pháp luật quy định, nên không được xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu ông B có căn cứ xác định có tài sản chung mà không tự giải quyết được thì ông B có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, tại phiên tòa ông B cung cấp 41 bản giấy photo thể hiện hình ảnh, tin nhắn qua lại trên zalo nhằm chứng minh lỗi của bà T trong hôn nhân. Tuy nhiên các tài liệu chưa được cơ quan chức năng chứng thực, chưa thể hiện chủ tài khoản zalo, số điện… nên chưa đảm bảo về tính xác thực, tính pháp lý của chứng cứ. Đồng thời ông B cũng xác định chưa gửi cho bà T (nguyên đơn) các tài liệu này. Căn cứ Điều 91, 93, 96, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không sử dụng các tài liệu ông B nộp tại phiên tòa để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định, ông B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Thanh B.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dạy 01 (một) con chung tên Phạm Nguyễn Thiên A, sinh ngày 08/11/2023.

Ông Phạm Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Thanh B và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim T. Ngược lại, bà T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông B.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – An Giang theo Biên lai thu số 0016152 ngày 25/6/2025. (Bà T đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Thanh B. Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T và ông Phạm Thanh B là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sáu

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 15-An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 15-An Giang (1);
- UBND xã Nhơn Hội (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.